TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02-11-2021
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyên Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thành Phương

Ông Hoài Đức Huệ

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Thanh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 508/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 590/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 544/TB-TA ngày 09/07/2021; số 574/TB-TA ngày 29/07/2021; số 591/TB-TA ngày 15/08/2021; số 624/TB-TA ngày 08/09/2021; số 681/TB-TA ngày 05/10/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Bích T, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Dương Thành H, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp Q, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(chị T có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2021 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Bích T trình bày:

Chị T và anh Dương Thành H yêu thương và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, đến ngày 09/9/2019 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N. Quá trình chung sống vợ chồng, anh H sống thiếu trách nhiệm, không phụ giúp chị chăm lo cho gia đình. Mặt khác anh H còn sử dụng chất ma túy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, về nhà kiếm chuyện đánh đập chị và đập phá nhà cửa. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên từ tháng 06/2020 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không có bàn bạc đoàn tụ. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh H được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

- Về con chung: chị T và anh H chung sống có 01 con chung là cháu Dương Huỳnh Hồng A, sinh ngày 23/02/2015. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị T khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Thành H đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và người tham gia tố tụng là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Huỳnh Bích T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Huỳnh Hồng A, sinh ngày 23/02/2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh H, hiện anh H đang cư trú tại tại huyện N. Vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân cấp huyện nên Toà án

nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Dương Thành H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Bích T và anh Dương Thành H yêu thương, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2012, ngày 09/9/2019, nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, bắt đầu từ năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng ly thân nhau từ tháng 06/2020 đến nay, không bàn bạc đoàn tụ.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh H đến lần thứ hai để hoà giải nhưng anh vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện anh H không có thiện chí để hòa giải. chị T và anh H đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2020 đến nay nhưng không có biện pháp để hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, hôn nhân của chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Dương Huỳnh Hồng A, sinh ngày 23/02/2015. Xét thấy việc giao con cho chị T hay anh H nuôi dưỡng cần phải xem xét vào điều kiện và hoàn cảnh sống của mỗi bên nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường cho trẻ. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi vợ chồng ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị có việc làm và thu nhập ổn định, đảm bảo tốt đời sống vật chất tinh thần cho con chung và hiện nay chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Do đó để giữ sự ổn định cuộc sống của con chung cần xem xét giao cháu Dương Huỳnh Hồng A cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về chia tài sản chung và nợ chung: chị T khai không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị Huỳnh Bích T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 220, 227, 228, 264, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Bích T về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" đối với bị đơn anh Dương Thành H.

- Xử: Cho chị Huỳnh Bích T được ly hôn với anh Dương Thành H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Dương Huỳnh Hồng A, sinh ngày 23/02/2015 cho chị Huỳnh Bích T được quyền nuôi dưỡng, anh Dương Thành H không phải cấp dưỡng nuôi con. anh H được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Bích T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001267 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TA tỉnh ĐN;
- VKS, THA cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã P
- Lưu hồ sơ,TA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Nguyên Vũ